

Số: 1902/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ  
lĩnh vực Công Thương thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương,  
UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1698/TTr-SCT ngày 28 tháng 4 năm 2020.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 35 thủ tục hành chính lĩnh vực Công Thương, trong đó 26 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, 09 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện; Bãi bỏ 38 thủ tục hành chính, trong đó 26 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương và 12 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.

*(Chi tiết tại phụ lục kèm theo).*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các thủ tục hành chính số 1; 13; 19; số 32 đến số 37; số 53 đến số 61; số 73 đến số 78; 114; 115 Mục A; số 2 đến số 13 Mục B tại danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố hết hiệu lực.

Sở Công Thương rà soát, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, Ngành; Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã trên địa bàn thành phố Hà Nội và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Bí thư Thành ủy, các PBT Thành ủy;
- Chủ tịch, các PCT HĐND Thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
- VPUBTP: CVP, PCVP: L.T. Lực, các phòng: TKBT, KSTTHC, TH-CB;
- Công giao tiếp điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, KSTTHC.

15790-12



**Nguyễn Đức Chung**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ**  
**CÔNG THƯƠNG, UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **1902/QĐ-UBND** ngày **11** tháng **5** năm 2020 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG.**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực An toàn thực phẩm</b>				
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương. Địa chỉ: Số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.	1. Luật An toàn thực phẩm năm 2010. 2. Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. 3. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. 4. Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm. 5. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều

					<p>kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p> <p>6. Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.</p>
2	<p>Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện</p>	<p>a) Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ.</p> <p>b) Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”.</p> <p>c) Trường hợp cơ sở thay đổi</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương. Địa chỉ: Số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội</p>	<p>Lựa chọn một trong các cách thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gửi trực tiếp;</li> <li>- Gửi qua hệ thống bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Luật An toàn thực phẩm năm 2010.</li> <li>2. Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</li> <li>3. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.</li> <li>4. Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ.</li> <li>5. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.</li> <li>6. Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.</li> </ol>

		<p>tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất; mặt hàng kinh doanh:</p> <p>Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ.</p> <p>d) Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh:</p> <p>Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ.</p>			
<b>II Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước</b>					
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương.</p> <p>Địa chỉ: Số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội</p>	<p>Lựa chọn một trong các cách thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gửi trực tiếp;</li> <li>- Gửi qua hệ thống bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.</li> </ul>	<p>1. Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</p> <p>2. Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</p> <p>3. Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về</p>

					<p>sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</p> <p>4. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p> <p>5. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.</p> <p>6. Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.</p> <p>7. Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.</p>
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống	<p>1. Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</p> <p>2. Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ.</p>

	trồng cây thuốc lá		Công Thương. Địa chỉ: Số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	bưu chính. - Nộp trực tuyến trên Công dịch vụ công trực tuyến.	3. Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ. 4. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ. 5. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. 6. Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. 7. Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương. Địa chỉ: Số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Nộp trực tuyến trên Công dịch vụ công trực tuyến.	1. Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. 2. Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ. 3. Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ. 4. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ. 5. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. 6. Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. 7. Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
6	Cấp Giấy phép mua bán nguyên	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp;	1. Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. 2. Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày

	liệu thuốc lá		hành chính Sở Công Thương. Địa chỉ: Số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	- Gửi qua hệ thống bưu chính. - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.	27/6/2013 của Chính phủ. 3. Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ. 4. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ. 5. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. 6. Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. 7. Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
7	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương. Địa chỉ: Số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.	1. Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. 2. Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ. 3. Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ. 4. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ. 5. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. 6. Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. 7. Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
8	Cấp lại Giấy phép	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Lựa chọn một trong các cách thức:	1. Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.



	mua bán nguyên liệu thuốc lá	hợp lệ	giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương. Địa chỉ: Số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	- Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.	2. Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ. 3. Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ. 4. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ. 5. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. 6. Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. 7. Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
9	Cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương. Địa chỉ: Số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.	1. Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. 2. Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ. 3. Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ. 4. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ. 5. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. 6. Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. 7. Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

10	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương. Địa chỉ: Số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</li> <li>2. Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ.</li> <li>3. Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ.</li> <li>4. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.</li> <li>5. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.</li> <li>6. Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.</li> <li>7. Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.</li> </ol>
11	Cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương. Địa chỉ: Số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</li> <li>2. Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ.</li> <li>3. Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ.</li> <li>4. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.</li> <li>5. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.</li> <li>6. Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.</li> <li>7. Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.</li> </ol>

					Công Thương.
12	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương. Địa chỉ: Số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.	1. Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia. 2. Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. 3. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. 4. Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.
13	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương. Địa chỉ: Số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.	1. Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia. 2. Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ. 3. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. 4. Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ.
14	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương. Địa chỉ: Số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.	1. Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia. 2. Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ. 3. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. 4. Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ.

15	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương. Địa chỉ: Số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.	1. Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia. 2. Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ. 3. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
16	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương. Địa chỉ: Số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.	1. Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia. 2. Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ. 3. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
17	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (cấp lại do hết hạn hiệu lực giấy phép cũ). 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp cấp lại do bị mất, bị hỏng).	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương. Địa chỉ: Số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.	1. Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia. 2. Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ. 3. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
<b>III Lĩnh vực Hóa chất</b>					
18	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp;	1. Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007. 2. Nghị định số 113/2017/NĐ-CP

	sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp		hành chính Sở Công Thương. Địa chỉ: Số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	- Gửi qua hệ thống bưu chính. - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.	ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất. 3. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. 4. Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.
19	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương. Địa chỉ: Số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.	1. Luật Hóa chất 2007. 2. Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ. 3. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. 4. Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
20	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương. Địa chỉ: Số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.	1. Luật Hóa chất 2007. 2. Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ. 3. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. 4. Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

21	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương. Địa chỉ: Số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.	1. Luật Hóa chất 2007. 2. Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ. 3. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. 4. Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
22	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương. Địa chỉ: Số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.	1. Luật Hóa chất 2007. 2. Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ. 3. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. 4. Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
23	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương. Địa chỉ: Số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.	1. Luật Hóa chất 2007. 2. Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ. 3. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. 4. Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực Kinh doanh Khí</b>				

24	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương. Địa chỉ: Số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.	1. Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. 2. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
25	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương. Địa chỉ: Số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.	1. Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ. 2. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
26	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Công Thương. Địa chỉ: Số 331 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.	1. Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ. 2. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI.**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thực thực hiện	Căn cứ pháp lý
<b>I. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước</b>					
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện Địa chỉ: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.	1. Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. 2. Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ. 3. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. 4. Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ.
2	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (cấp lại do hết hiệu lực giấy phép cũ) 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp cấp lại do bị mất, bị hỏng)	UBND cấp huyện Địa chỉ: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.	1. Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. 2. Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ. 3. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. 4. Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ.
3	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện Địa chỉ: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công	1. Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. 2. Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ. 3. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.



				trực tuyến.	4. Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ.
4	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện Địa chỉ: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.	1. Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. 2. Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ. 3. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện Địa chỉ: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.	1. Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. 2. Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ. 3. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
6	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (cấp lại do hết hạn hiệu lực giấy phép cũ) 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (cấp lại do mất hoặc hỏng)	UBND cấp huyện Địa chỉ: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.	1. Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. 2. Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ. 3. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
7	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	UBND cấp huyện Địa chỉ: Bộ phận tiếp	Lựa chọn một trong các cách thức:	1. Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

	thuốc lá	hợp lệ	nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gửi trực tiếp;</li> <li>- Gửi qua hệ thống bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>2. Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ.</li> <li>3. Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ.</li> <li>4. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.</li> <li>5. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.</li> <li>6. Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.</li> <li>7. Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.</li> </ol>
8	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>UBND cấp huyện</p> <p>Địa chỉ: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện</p>	<p>Lựa chọn một trong các cách thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gửi trực tiếp;</li> <li>- Gửi qua hệ thống bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</li> <li>2. Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ.</li> <li>3. Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ.</li> <li>4. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.</li> <li>5. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.</li> <li>6. Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.</li> <li>7. Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.</li> </ol>

9	Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện Địa chỉ: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</li> <li>2. Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ.</li> <li>3. Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ.</li> <li>4. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.</li> <li>5. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.</li> <li>6. Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.</li> <li>7. Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.</li> </ol>
---	--	--	--	---	--

**C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG, UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

TT	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố Danh mục TTHC của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ
<b>DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG</b>			
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Kinh doanh khí</b>		
1	Số 1 - Mục A danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020
2	Số 13 - Mục A danh mục ban hành kèm theo	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh	của Chính phủ

	Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	mua bán LNG	
3	Số 19 - Mục A danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	
<b>II Lĩnh vực Hóa chất</b>			
4	Số 32 - Mục A danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ
5	Số 33 - Mục A danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	
6	Số 34 - Mục A danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	
7	Số 35 - Mục A danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	
8	Số 36 - Mục A danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	
9	Số 37 - Mục A Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	
<b>III Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước</b>			
10	Số 53 - Mục A danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ
11	Số 54 - Mục A danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	

	của Chủ tịch UBND Thành phố		
12	Số 55 - Mục A danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	
13	Số 56 - Mục A danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	
14	Số 57 - Mục A danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	
15	Số 58 - Mục A danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	
16	Số 59 - Mục A danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	
17	Số 60 - Mục A danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	
18	Số 61 - Mục A danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	
19	Số 73 - Mục A danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
20	Số 74 - Mục A danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	

21	Số 75 - Mục A danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
22	Số 76 - Mục A danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	
23	Số 77 - Mục A danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	
24	Số 78 - Mục A danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	
<b>IV Lĩnh vực An toàn thực phẩm</b>			
25	Số 114 - Mục A danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện.	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ
26	Số 115 - Mục A danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện.	
<b>DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN</b>			
<b>I. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước</b>			
1	Số 02 - Mục B danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ
2	Số 03 - Mục B danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	

	của Chủ tịch UBND Thành phố		
3	Số 04 - Mục B danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
4	Số 05 - Mục B danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	
5	Số 06 - Mục B danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	
6	Số 07 - Mục B danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	
7	Số 08 - Mục B danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	
8	Số 09 - Mục B danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	
9	Số 10 - Mục B danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	
10	Số 11 - Mục B danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
11	Số 12 - Mục B danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	

12	Số 13 - Mục B danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4658/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
<b>Tổng số: 38 thủ tục hành chính</b>			